

Số: 10/2020/QĐST-HNGĐ

*Nhon Trạch, ngày 24 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1987.

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1990.

Cùng HKTT: Xóm 2, xã D, huyện D1, tỉnh Nghệ An.

Cùng tạm trú: Tổ 25, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thảo N1, sinh ngày 08/9/2014, Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 03/01/2016 và Trần Thị Mỹ N2, sinh ngày 03/01/2016. Các đương sự thỏa thuận giao ba con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H1 cấp dưỡng nuôi ba con chung là 1.500.000đ/tháng (500.000đ/01 con/01 tháng).

[3] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên Trần Thảo N1, sinh ngày 08/9/2014, Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 03/01/2016 và Trần Thị Mỹ N2, sinh ngày 03/01/2016.

Anh H, chị H1 thỏa thuận giao 03 con chung cho anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chị H1 cấp dưỡng nuôi ba con chung là 1.500.000đ/tháng (500.000đ/01 con/01 tháng).

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H1 không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng chị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị H1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000659, số 0000660 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch (anh H, chị H1 đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã S, huyện.H2,

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

tỉnh Hà Tĩnh.  
- Lưu: Hồ sơ.

**Nguyễn Thị Hương**